

Phụ lục 1



Công bố giá đá tham khảo giá thị trường
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (trước sáp nhập)
 (đính kèm Thông báo số **493** /TB-SXD-KTVLXD ngày **11** tháng **7** năm 2025
 của Sở Xây dựng)

NHÓM 9. ĐÁ XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty CP Đầu tư XD và Vật liệu Đồng Nai			Theo Công văn số 466/TCKH ngày 25/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận; đá xanh, xe 3 khối, 5 khối	400.000
		Đá xây dựng	Đá 4x6	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty CP Đầu tư XD và Vật liệu Đồng Nai			Theo Công văn số 466/TCKH ngày 25/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận; đá xanh, xe 5 khối	370.000

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
2	Quận Gò Vấp	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	Đá đen	884 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2 – Chi nhánh Xi nghiệp Đá xây dựng			Theo Công văn số 633/BC-TCKH ngày 03/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp; giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp	454.545
			Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	Đá xanh					590.909
			Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006						500.000
3	Huyện Củ Chi	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An			Theo Công văn số 06/BCPL-TCKH (không ngày) tháng 6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi; giá tại đường Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	500.000

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
3	Huyện Củ Chi	Đá xây dựng	Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH VLXD An Bình An			Theo Công văn số 06/BCPL-TCKH (không ngày) tháng 6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi; giá tại đường Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	440.000

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá vật liệu xây dựng là khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: “Theo quy định của pháp luật về việc quản lý giá vật liệu xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD thì giá vật liệu xây dựng được công bố phải phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời điểm công bố”.

Phụ lục 2



Công bố giá cát tham khảo giá thị trường
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (trước sáp nhập)
(đính kèm Thông báo số **493** /TB-SXD-KTVLXD ngày **11** tháng **7** năm 2025
của Sở Xây dựng)

NHÓM 10. CÁT XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 466/TCKH ngày 25/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận	420.000
		Cát xây dựng	Cát bê tông	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 466/TCKH ngày 25/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận (xe 3 khối)	440.000

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
1	Quận Phú Nhuận	Cát xây dựng	Cát bê tông	m ³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 466/TCKH ngày 25/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận; giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận (xe 5 khối)	420.000
2	Quận Gò Vấp	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006	mô đun 0,7-1,4	Công ty Cổ phần Xây lắp VLXD Đồng Tháp			Theo Công văn số 633/BC-TCKH ngày 03/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp; giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp	436.364
		Cát xây dựng	Cát san lấp	m ³							381.818
3	Huyện Nhà Bè	Cát xây dựng	Cát san lấp	m ³			Công ty TNHH Thanh Tùng Sand			Theo Báo cáo số 68/BC-TCKH ngày 06/6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Nhà Bè; giá tại xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	420.000

H

STT	Khu vực	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (đồng)
4	Huyện Củ Chi	Cát xây dựng	Cát xây tô	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006; ML=0,7-1,4		Công ty TNHH VLXD An Bình An			Theo Công văn số 06/BCPL-TCKH (không ngày) tháng 6/2025 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi; giá tại đường Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi	430.000
		Cát xây dựng	Cát san lấp	m ³	QCVN 16:2019/BXD; TCVN 7570:2006						320.000

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2396/BXD-KTXD ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá vật liệu xây dựng là khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: “Theo quy định của pháp luật về việc quản lý giá vật liệu xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD thì giá vật liệu xây dựng được công bố phải phù hợp với giá thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, khả năng và phạm vi cung ứng vật liệu tại thời điểm công bố”.

